**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

## Ngày 12/6/2017, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật có hiệu lực thi hành từ 01/01/2018. Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Lệnh số 01/2017/L-CTN ngày 22/6/2017 công bố Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

## I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Việc xây dựng và ban hành Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là một bước tiến quan trọng trong tiến trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh nghiệp tại Việt Nam. Cùng với Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), Luật đầu tư (sửa đổi) năm 2014 và hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung, đây là lần đầu tiên sau gần 30 năm đổi mới và 15 năm bắt đầu công tác hỗ trợ DNNVV, Việt Nam có một khung pháp luật áp dụng thống nhất cho các DNNVV thuộc mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân.

Công tác hỗ trợ DNNVV ở Việt Nam đã bắt đầu triển khai từ năm 2001 với sự ra đời của Nghị định số 90/2001/NĐ-CP ngày 23/11/2001 của Chính phủ về trợ giúp phát triển DNNVV (đã được thay thế bởi Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ). Trên cơ sở này, nhiều kế hoạch, chương trình, dự án hỗ trợ DNNVV đã được ban hành và triển khai trong thời gian qua. Các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ DNNVV đã và đang từng bước đi vào cuộc sống, góp phần nâng cao nhận thức và sự quan tâm đối với công tác hỗ trợ phát triển DNNVV của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức hiệp hội và cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã hình thành được một đầu mối chính thức về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hỗ trợ phát triển DNNVV, tham gia tích cực vào các diễn đàn đa phương như Hợp tác Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC), Hợp tác Á-Âu (ASEM); với các tổ chức quốc tế và khu vực như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Tổ chức Phát triển công nghiệp Liên hiệp quốc (UNIDO), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), v.v. Mặc dù các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ phát triển DNNVV thời gian qua đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, nhưng việc triển khai thực hiện và tác động hỗ trợ của các chính sách này vẫn còn một số hạn chế, bất cập sau:

- Hơn 80% các chính sách, chương trình hỗ trợ DNNVV không có đánh giá kết quả hỗ trợ và tác động đối với các DNNVV. Một số chương trình mới dừng ở mức ước tính tỉ lệ DNNVV có thể tham gia (với giải thích 97% doanh nghiệp là DNNVV nên được hiểu là đa số là DNNVV tham gia), thậm chí có chương trình không thể đánh giá được mức độ tham gia của các doanh nghiệp. Đồng thời, thiếu các tiêu chí đánh giá tác động của chính sách, chương trình đối với khu vực DNNVV.

- Nhiều chính sách mới chỉ dừng lại ở những quy định mang tính khuyến khích và chung chung, chưa có những quy định hỗ trợ rõ ràng (ví dụ, hỗ trợ mặt bằng sản xuất, tham gia kế hoạch mua sắm, cung ứng dịch vụ công) và kết quả hỗ trợ còn hạn chế.

- Một số chính sách có chất lượng nội dung chưa thực tế, hình thức thực hiện chưa phù hợp với đối tượng DNNVV như: hỗ trợ về thông tin, tư vấn trực tuyến; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho DNNVV, v.v.

- Tiến độ thực hiện các chính sách, chương trình hỗ trợ DNNVV còn rất chậm. Thời gian trung bình để xây dựng các văn bản quy phạm hướng dẫn thực hiện kéo dài tới 2 đến 3 năm. Việc tổ chức thực hiện một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ còn gặp nhiều vướng mắc như chính sách bảo lãnh tín dụng cho DNNVV qua hệ thống ngân hàng phát triển, chính sách hỗ trợ DNNVV trong công nghiệp hỗ trợ…

- Các chính sách, chương trình hỗ trợ DNNVV hiện đang được thực hiện rời rạc, manh mún và dàn trải. Trong khi đó, từ phía doanh nghiệp, nếu muốn phát triển bền vững thì phải có cả yếu tố nguồn lực tài chính, trình độ công nghệ, khả năng tiếp cận thị trường, hiểu biết pháp luật kinh doanh…

- Mức độ xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ DNNVV ở cấp địa phương còn hạn chế. Công tác nắm bắt nhu cầu và tình hình sản xuất kinh doanh của DNNVV còn yếu. Nhiều địa phương chưa chủ động xây dựng các chương trình, chính sách hỗ trợ DNNVV trên địa bàn, hầu hết mới chỉ tham gia thực hiện các chương trình do các Bộ, ngành chủ trì.

Qua thực tế triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ DNNVV thời gian qua cho thấy, những tồn tại, bất cập nêu trên chủ yếu xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Một số chính sách hỗ trợ tuy đã được quy định trong Nghị định 56/2009/NĐ-CP, nhưng chịu sự điều chỉnh của các Luật chuyên ngành (như Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Đấu thầu…).

- Đa số các chính sách hỗ trợ DNNVV khi triển khai được lồng ghép vào các chương trình trong ngành, lĩnh vực.

- Sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, giữa Trung ương và địa phương còn yếu, thiếu cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ phát triển DNNVV. Đồng thời, cơ chế báo cáo và chia sẻ thông tin chưa được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

- Năng lực của các đơn vị đầu mối thực hiện hỗ trợ DNNVV còn yếu và thiếu.

- Sự quan tâm và đầu tư của các địa phương đối với công tác hỗ trợ phát triển DNNVV còn thấp trong khi nguồn ngân sách Trung ương hạn chế.

- Những yếu kém xuất phát từ nội tại các DNNVV.

Những thách thức, tồn tại nêu trên đã làm cho những chính sách và chương trình hỗ trợ của Nhà nước chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu hỗ trợ phát triển của cộng đồng DNNVV. Mặc dù hàng năm, Nhà nước cũng đã dành nguồn lực nhất định để hỗ trợ cho DNNVV nhưng bị chia nhỏ, manh mún và rời rạc. Trong khi đó, các DNNVV rất cần có sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Nhà nước để vượt qua khó khăn, nâng cao sức cạnh tranh. Hơn nữa, trong bối cảnh kinh tế mới gắn với quá trình tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng chất lượng, hiệu quả và hội nhập sâu rộng hơn với khu vực và thế giới đã và đang đặt ra yêu cầu cấp bách đối với các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các DNNVV phải tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh để có thể tồn tại và phát triển.

Ở nhiều quốc gia trên thế giới, DNNVV đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội, chiếm tỷ lệ cao trong tổng số doanh nghiệp (từ 97-99%) và được xác định là “động lực tăng trưởng”, là “xương sống” của nền kinh tế. Ở những quốc gia đã phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu, OECD, APEC và các quốc gia đang phát triển trong khu vực như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ… đều coi trọng khu vực DNNVV. Với vai trò đó, công tác hỗ trợ DNNVV được xem như một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển của các quốc gia. Do đó, công tác hỗ trợ DNNVV đã được các quốc gia này luật hóa từ nhiều thập kỷ trước và sớm ban hành các Đạo luật cơ bản về hỗ trợ DNNVV nhằm thúc đẩy khu vực doanh nghiệp này đổi mới sáng tạo và phát triển, đóng góp ngày càng cao vào nền kinh tế. Từ các quốc gia phát triển như Nhật Bản (Luật Cơ bản DNNVV, ban hành năm 1963), Mỹ (Luật Doanh nghiệp nhỏ, ban hành năm 1953), Canada (Luật Tài trợ doanh nghiệp nhỏ), các nền kinh tế lớn như Nga (Luật phát triển doanh nghiệp nhỏ, ban hành năm 2008), Trung Quốc (Luật Xúc tiến DNNVV, ban hành năm 2002)... đến các nền kinh tế mới nổi như Hàn Quốc (Luật DNNVV, ban hành năm 1966), Đài Loan (Luật DNNVV, ban hành năm 1991), Ấn Độ (Luật hỗ trợ DNNVV, ban hành năm 2006)... Các quốc gia trong khu vực ASEAN như Thái Lan (Luật hỗ trợ DNNVV, ban hành năm 2000), Indonesia (Luật Doanh nghiệp nhỏ, ban hành năm 1995), Liên minh Châu Âu (EU) ban hành Luật Doanh nghiệp nhỏ áp dụng chung cho các nước thành viên. Thậm chí ở một số quốc gia, việc bảo vệ, hỗ trợ DNNVV được quy định trong Hiến pháp như Hàn Quốc, Đài Loan.

Điểm chung của các đạo luật này là luật khung, Luật cơ bản về hỗ trợ DNNVV, tạo cơ sở ban hành các luật hỗ trợ DNNVV cụ thể khác như Luật hỗ trợ tài chính, Luật Bảo lãnh tín dụng, Luật thúc đẩy hợp tác liên kết giữa các DNNVV và doanh nghiệp lớn, luật khuyến khích đầu tư, giảm thuế cho DNNVV, luật đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp nhỏ, mua sắm chính phủ đối với sản phẩm của DNNVV hoặc quy định hệ thống các chính sách, biện pháp hỗ trợ cụ thể cho DNNVV. Các luật hỗ trợ DNNVV đã được điều chỉnh, sửa đổi theo từng thời kỳ phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia, tập trung giải quyết các thách thức đối với sự phát triển của các DNNVV, ưu tiên các ngành kinh tế chủ lực. Bên cạnh đó, các luật này cũng quy định hệ thống cơ quan chính phủ đầu mối về hỗ trợ DNNVV với vai trò điều phối triển khai thực hiện hỗ trợ DNNVV. Các đạo luật cũng thể hiện rõ trách nhiệm của Chính phủ trong việc đảm bảo các nguồn lực tổ chức thực hiện hỗ trợ DNNVV…

Vì vậy, để giải quyết những hạn chế, bất cập nêu trên và xuất phát từ thông lệ của các quốc gia trên thế giới và khu vực trong hỗ trợ DNNVV, việc xây dựng và ban hành Luật Hỗ trợ DNNVV của Việt Nam là rất cấp thiết và phù hợp với xu hướng chung của thế giới, đồng thời đảm bảo tính đồng bộ của chính sách, có tính hiệu lực pháp lý cao nhất cũng như thúc đẩy việc thực thi.

**II. BỐ CỤC CỦA LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

Luật Hỗ trợ DNNVV gồm 04 chương với 35 điều:

**- Chương I: Những quy định chung** (gồm 07 điều, từ điều 1 đến điều 7).

**- Chương II: Nội dung hỗ trợ DNNVV** (gồm 13 điều, từ điều 8 đến điều 20)

**- Chương III: Trách nhiệm trong hoạt động hỗ trợ DNNVV** (gồm 12 điều, từ điều 21 đến điều 32)

**- Chương IV: Điều khoản thi hành** (gồm 03 điều, từ điều 33 đến điều 35)

**III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

**1. Những quy định chung (gồm 07 điều, từ điều 1 đến điều 7)**

a) Về phạm vi điều chỉnh: với mục tiêu thiết lập đồng bộ các chính sách hỗ trợ DNNVV và quy định rõ trách nhiệm, vai trò của các cơ quan trung ương và địa phương, các tổ chức trong hỗ trợ DNNVV, Luật quy định về nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Về đối tượng áp dụng: Để đảm bảo định hướng phát triển kinh tế của đất nước, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước tại Luật áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này. Đồng thời, Luật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Về giải thích từ ngữ: Luật hỗ trợ DNNVV quy định việc giải thích từ ngữ trong luật để đảm bảo thống nhất nội dung của Luật, theo đó, giải thích về Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ , doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, chuỗi giá trị, chuỗi phân phối sản phẩm, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụm liên kết ngành, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

d) Về tiêu chí xác định DNNVV: Nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn vận dụng tiêu chí xác định DNNVV tại Nghị định 56/2009/NĐ-CP. Luật quy định doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa. Luật sử dụng 03 tiêu chí số lao động, doanh thu, nguồn vốn để xác định DNNVV. Trong đó, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm là bắt buộc và đáp ứng một trong các tiêu chí về tổng nguồn vốn, tổng doanh thu của năm trước liền kề. Theo đó, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người; tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng; tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ. Luật cũng giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này để phù hợp thi hành trong thực tiễn.

đ) Nguyên tắc hỗ trợ DNNVV: Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải tôn trọng quy luật thị trường, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước do các tổ chức, cá nhân tài trợ được thực hiện theo quy định của tổ chức, cá nhân đó nhưng không được trái quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất. Trong trường hợp nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ hơn. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được nhận hỗ trợ khi đã thực hiện đầy đủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

e) Nguồn vốn hỗ trợ DNNVV: Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- Nguồn vốn tín dụng có hỗ trợ, bảo lãnh của Nhà nước;

- Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;

- Nguồn vốn hỗ trợ từ miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản khác phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định của Luật này phải được lập dự toán, thẩm định, phê duyệt, quyết toán theo quy định của pháp luật.

g) Các hành vi bị nghiêm cấm trong việc hỗ trợ DNNVV: Để hoạt động hỗ trợ DNNVV đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng các quy định của pháp luật liên quan, Luật quy định các hành vi bị nghiệp cấm trong việc hỗ trợ DNNVV. Theo đó, nghiêm cấm các hành vi sau: Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không đúng nguyên tắc, đối tượng, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; phân biệt đối xử, gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, cá nhân hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; cố ý báo cáo, cung cấp thông tin giả mạo, không trung thực liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích đã cam kết.

**2. Nội dung hỗ trợ DNNVV (gồm 02 Mục, 13 điều, từ điều 8 đến điều 20)**

Chương này quy định nội dung hỗ trợ chung và nội dung hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

***2.1. Nội dung hỗ trợ chung đối với DNNVV (từ điều 8 đến điều 15)***, bao gồm: hỗ trợ tiếp cận tín dụng; hỗ trợ thuế, kế toán; hỗ trợ mặt bằng sản xuất; hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; hỗ trợ mở rộng thị trường; hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực. Cụ thể:

*a)**Về hỗ trợ tiếp cận tín dụng:* Luật quy định trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác; khuyến khích thành lập tổ chức tư vấn độc lập để xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, tăng cường năng lực quản trị, kỹ năng quản lý, minh bạch hóa tài chính của doanh nghiệp để nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập thực hiện chức năng cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên tài sản bảo đảm hoặc phương án sản xuất, kinh doanh khả thi hoặc xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa và phải thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết; không được từ chối bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đủ điều kiện được bảo lãnh.

*b) Về hỗ trợ thuế, kế toán:* Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được áp dụng các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán.

*c) Về hỗ trợ mặt bằng sản xuất:* Nhằm tạo điều kiện cho các DNNVV có mặt bằng sản xuất được thuận lợi, Luật quy định căn cứ vào điều kiện quỹ đất thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng. Việc hỗ trợ giá thuê mặt bằng được thực hiện thông qua việc bù giá cho nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp để giảm giá cho thuê mặt bằng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Số tiền bù giá được trừ vào số tiền thuê đất hoặc được hỗ trợ từ ngân sách địa phương.

Việc hỗ trợ mặt bằng sản xuất không áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn nhà nước.

*d) Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung*: Nhà nước có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

Luật quy định Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập theo hình thức đối tác công tư cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung. Doanh nghiệp và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.

Cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung được hưởng các hỗ trợ: Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

*đ) Hỗ trợ mở rộng thị trường:* Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập chuỗi phân phối sản phẩm theo hình thức đối tác công tư. Doanh nghiệp và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập chuỗi phân phối sản phẩm.

Doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm có ít nhất 80% số doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm sản xuất tại Việt Nam được hưởng các hỗ trợ: miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

*e) Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý:* Luật quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp công bố thông tin trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp; các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là mạng lưới tư vấn viên). Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm chi phí tư vấn khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động sau đây để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết về chính sách hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý để các DNNVV thuận lợi tiếp cận thông tin phục vụ sản suất, kinh doanh.

*g) Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực:* Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhà nước tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo trực tuyến, chương trình đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng khác cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hoạt động đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

Chính phủ quy định chi tiết về hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng nguồn nhân lực trong DNNVV.

***2.2. Nội dung hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (từ điều 16 đến điều 20)***

*a) Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh:* Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện sau: Trước khi thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật; Hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Nội dung hỗ trợ bao gồm: Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp; miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu; miễn phí thẩm định, phí, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn, giảm tiền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai. Luật giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh, chủ hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ chưa thanh toán của hộ kinh doanh, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo quy định của pháp luật.

Hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động kể từ thời điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

*b) Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo:* Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện: Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần.

Nội dung hỗ trợ bao gồm: Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới; hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng. Luật giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung hỗ trợ về doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo**.**

*c) Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo:* Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo bao gồm quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc: Đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư; Nhà đầu tư tư nhân góp vốn vào quỹ phải có điều kiện tài chính và chịu trách nhiệm về vốn góp của mình.

Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc: Lựa chọn các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện để cùng đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; Khoản vốn đầu tư từ ngân sách địa phương không quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo huy động được từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn; tiến hành chuyển nhượng vốn đầu tư cho nhà đầu tư tư nhân trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm góp vốn đầu tư. Việc chuyển nhượng vốn đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Luật cũng giao Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

*d) Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị:* Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được hỗ trợ nếu đáp ứng một trong các điều kiện: Tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành; có đổi mới sáng tạo về quy trình công nghệ, vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị.

Nội dung hỗ trợ bao gồm: Đào tạo chuyên sâu về công nghệ, kỹ thuật sản xuất; tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, chiến lược phát triển sản phẩm theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; cung cấp thông tin về nhu cầu kết nối, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường sản phẩm của cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; hỗ trợ sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị không thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến do Chính phủ quy định sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến.

*đ) Luật Hỗ trợ DNNVV quy định về Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa:* Là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Thủ tướng Chính phủ thành lập, thực hiện các chức năng cho vay, tài trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; tiếp nhận và quản lý nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa để tạo điều kiện và phát huy hiệu quả hoạt động hỗ trợ của DNNVV trong sản xuất, kinh doanh.

**3. Trách nhiệm trong hoạt động hỗ trợ DNNVV (gồm 12 điều, từ điều 21 đến điều 32)**

*a) Trách nhiệm của Chính phủ*

Thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; xây dựng dự toán ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; ban hành theo thẩm quyền chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

*b) Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

Giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; thực hiện vai trò điều phối, xác định mục tiêu, đối tượng, trọng tâm hỗ trợ để xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình, dự án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ bố trí nguồn vốn chi đầu tư phát triển để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ và cơ quan ngang Bộ khác xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

*c) Trách nhiệm của Bộ Tài chính*

Hướng dẫn về thủ tục hành chính thuế, chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ; việc thực hiện các chính sách thuế, phí, lệ phí đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ bố trí nguồn vốn để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; công bố thông tin về việc chấp hành pháp luật về thuế, hải quan và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khác của các doanh nghiệp nhỏ và vừa để xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

*d) Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ*

Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức việc thống kê và công bố thông tin về doanh nghiệp nhỏ và vừa; hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; Ưu tiên bố trí nguồn lực để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bộ Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi phân phối sản phẩm.

Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn việc thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách của Chính phủ về hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

*đ) Trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh*

- Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: (1) Quyết định bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn; quyết định giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định. (2) Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; (3) Giám sát việc tuân theo pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương.

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: (1) Xây dựng và tổ chức triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; kế hoạch, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh; (2) Kiểm tra, đánh giá công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (3) Tôn vinh doanh nghiệp nhỏ và vừa có thành tích, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

*e) Trách nhiệm của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, huy động các nguồn lực hỗ trợ hội viên là doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham gia đánh giá các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp lớn với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

*g) Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các điều kiện, cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tuân thủ các thủ tục hành chính; cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ và chính xác cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để chứng minh, xác nhận việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp theo hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham gia, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đầu tư thành lập, quản lý và vận hành tổ chức thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hình thức đối tác công tư hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

*h) Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp; tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước; thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.

*i) Công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện công khai nội dung, chương trình, kết quả thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác có liên quan.

Việc công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo các hình thức: Niêm yết công khai tại cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Việc công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải được thực hiện chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

*k) Trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá, xử lý vi phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân tài trợ kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: Việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ; việc thực hiện trình tự, thủ tục và nội dung hỗ trợ; việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ, tài trợ; việc thực hiện công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, tác động dự kiến đối với đối tượng hỗ trợ và công khai kết quả đánh giá theo các hình thức quy định của Luật này. Bộ Kế hoạch và Đầu tư định kỳ tổ chức đánh giá độc lập tác động của nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật. Quyết định xử lý vi phạm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**4. Điều khoản thi hành (gồm 03 điều, từ điều 33 đến điều 35)**

Để đảm bảo tính đồng bộ các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hệ thống pháp luật, Luật Hỗ trợ DNNVV bổ sung điểm o vào khoản 1 Điều 16, sửa đổi khoản 2 Điều 19 của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13; sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 14 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13.

Luật Hỗ trợ DNNVV có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo nội dung, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt; trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì được thực hiện theo quy định của Luật này. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, các cam kết do Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện, nếu các bên không có thỏa thuận khác.